

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

V/v tranh chấp về Hôn nhân-gia
đình cấp dưỡng nuôi con, thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi ly
hôn, chia tài sản chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh
2. Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga, thư ký Tòa án.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân – gia đình thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021, về “Tranh chấp Hôn nhân-gia đình cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Minh N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà 384, tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, TP CL, tỉnh ĐT.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 171, tổ 18, ấp 3, xã Mỹ Ngãi, TP CL, tỉnh ĐT.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Đặng Minh N trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/01/2021 giữa anh N và chị T, giao con chung Đặng Quang K, sinh ngày 02/3/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Nhưng sau đó chị T cản trở không cho anh N thăm nom con. Nay anh Đặng Minh N yêu cầu như sau:

Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị T giao Đặng Quang K cho anh Đặng Minh N nuôi dưỡng; Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án ra quyết định, bản án;

Yêu cầu chia tài sản chung do chị T cất giữ gồm 40.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k, mỗi người 50% giá trị tài sản. Cụ thể: Về tiền anh N nhận 20.000.000

đồng và 05 chỉ vàng 24k giá trị (tạm tính 49.000.000 đồng), anh N nhận 24.500.000 đồng.

Tại phiên hòa giải anh N trình bày:

. Về thay đổi người nuôi con:

Do chị T phang dao đòi chém và không cho anh N thăm con. Anh N và cháu anh N tên Lê Quốc Tuấn đi cùng có báo công an xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhưng công an không lập biên bản. Sau khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn, chị T và anh N thỏa thuận anh N không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng (việc thỏa thuận không có lập văn bản), do đó, từ khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn đến nay anh N không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh N chưa có công việc ổn định.

. Yêu cầu chị T giao cháu K cho anh N nuôi dưỡng.

. Yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng.

. Về tiền mặt: Sau khi đám cưới còn số tiền 28.000.000 đồng, anh N giao chị T giữ, sau khi đám cưới, tiền lương của anh N và lương của chị T do chị T giữ, tổng cộng tích lũy được 40.000.000 đồng. Yêu cầu chị T chia cho anh N $\frac{1}{2}$ với số tiền là 20.000.000 đồng.

. Về vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k chị T giữ: Yêu cầu chị T giao trả 05 chỉ vàng 24k (nhận vàng), trị giá vàng tại thời điểm hiện nay 52.000.000 đồng/lượng. Việc chị T bán vàng anh N không biết.

- *Đối với chị Nguyễn Thị Thu T ý kiến:*

Về thay đổi người nuôi con, chị T không đồng ý theo yêu cầu của anh N.

Sau đám cưới, anh N trả tiền bia 6.000.000 đồng và anh N giao cho cha mẹ anh N 10.000.000 đồng, anh N giao chị T số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền 12.000.000 đồng chị T chi phí sinh hoạt trong gia đình nên không còn. Không đồng ý giao cho anh N số tiền 20.000.000 đồng

Lương hàng tháng (tháng 4/2018 đến tháng 1/2019) của anh N có giao cho chị T để chi phí hàng ngày. Sau khi có con, chị T bán vàng 10 chỉ vàng 24k (do bên chồng cho cá nhân chị T trong ngày đám hỏi) nuôi con do anh N không giao tiền để nuôi con. Không đồng ý giao cho anh N 05 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đặng Minh N có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản chung được quy định tại các Điều 81, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú tại TPCL, ĐT. Căn cứ khoản 1, 3, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] *Về nội dung:* Xét các yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Minh N:

. Về thay đổi người nuôi con: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân TPCL, giữa anh Đặng Minh N và chị Nguyễn Thị Thu T. Chị T được tiếp tục nuôi con chung Đặng Quang K, sinh ngày 02/3/2019, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N trình bày, thời gian chị T nuôi con, anh N đến thăm con nhưng gia đình chị T và chị T ngăn cản không cho thăm con và từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/01/2021 có hiệu lực đến nay anh N không thi hành án về cấp dưỡng nuôi con. Chị T không đồng ý yêu cầu của anh N về thay đổi người nuôi con. Xét thấy, cháu Đặng Quang K, sinh ngày 02/3/2019 (dưới 36 tháng tuổi) do chị T đang nuôi dưỡng, chị T có việc làm ổn định, có đủ điều kiện nuôi con, việc anh N cho rằng chị T và gia đình chị T ngăn cản việc thăm con nhưng anh N không xuất trình chứng cứ chứng minh, đồng thời theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/01/2021 có hiệu lực đến tại thời điểm xét xử anh N chưa thi hành cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của luật Hôn nhân – gia đình, không chấp nhận yêu cầu của anh N về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

. Về yêu cầu chia đôi số tiền 40.000.000 đồng. Anh N trình bày, sau khi đám cưới còn số tiền 28.000.000 đồng, tiền lương của anh N và chị T tổng cộng hơn 40.000.000 đồng nhưng anh N chỉ tính 40.000.000 đồng do chị T giữ. Yêu cầu chị T giao cho anh N số tiền 20.000.000 đồng.

Chị T trình bày, anh N giao cho chị T số tiền 12.000.000 đồng và tiền lương của chị T, chị T dùng số tiền này chi phí sinh hoạt trong gia đình trong thời kỳ chị T mang thai trong đó có mua một tủ áo hiện do anh N quản lý, sử dụng nên đã hết tiền. Anh N thừa nhận chị T có mua một tủ áo hiện anh N đang quản lý, sử dụng và chị T có dùng tiền chung chi phí sinh hoạt trong gia đình nhưng không xác định bao nhiêu tiền.

Xét thấy, số tiền trên gồm tiền của anh N và chị T, chi phí chung trong gia đình là nhu cầu thiết yếu bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống. Anh N thừa nhận số tiền chung có mua tủ áo (do anh N đang sử dụng) và chị T chi tiêu trong gia đình nhưng không xác định chi bao nhiêu, do đó, anh N yêu cầu được chia số tiền 20.000.0000 đồng không có căn cứ nên không chấp nhận.

. Về yêu cầu chị T giao trả 05 chỉ vàng 24k (vàng 9 tuổi 8) vàng cưới (gồm: hai chiếc lắc, mỗi chiếc 03 chỉ vàng; một dây chuyền 03 chỉ vàng; một đôi bông tai 01 chỉ vàng).

Chị T trình bày, 10 chỉ vàng 24k gia đình anh N cho cá nhân chị T trước khi kết hôn, chị T đã bán hết vàng để nuôi con vì từ khi sinh con anh N không đưa tiền cho chị T nuôi con, nên không đồng ý giao cho anh N 05 chỉ vàng 24k. Xét thấy, 10 chỉ vàng 24k là nữ trang cưới chị T, cho tài sản là thỏa thuận có điều kiện để chị T làm vợ anh N, làm dâu gia đình anh N, do đó nữ trang cưới là tài sản chung. Chị T

trình bày đã bán hết 10 chỉ vàng để nuôi con, nhưng chị T không chứng minh được việc bán vàng và anh N không thừa nhận việc chị T bán vàng. Tuy nhiên, từ khi chị T sinh con (*tháng 3/2019*) đến tháng 11/2020 (*thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh*) chị T vừa sinh nở, chăm con, vừa không có việc làm nên cần phải có chi phí bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, khám chữa bệnh, các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống và nuôi con nên 10 chỉ vàng 24k phải chia chị T nhiều hơn theo quy định tại khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân – gia đình, chị T được chia 07 chỉ vàng 24k, anh N được chia 03 chỉ vàng 24k. Do đó, chấp nhận một yêu cầu của anh N, anh N được chia 03 chỉ vàng 24k.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Về anh N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con không được chấp nhận nên phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng; yêu cầu được chia số tiền 20.000.000 đồng không được chấp nhận nên phải chịu án phí số tiền 1.000.000 đồng; anh N được chia 03 chỉ vàng 24k (*giá vàng 24k tại ngày xét xử, giá 5.113.000 đồng/chỉ*) nên phải chịu án phí số tiền 769.500 đồng.

Chị T được chia 07 chỉ vàng 24k (*giá vàng 24k tại ngày xét xử, giá 5.113.000 đồng/chỉ*) nên phải chịu án phí dân sự số tiền 1.795.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 59, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của Đặng Minh N về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận yêu cầu của Đặng Minh N về yêu cầu chị T chia số tiền 20.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Đặng Minh N, anh N chia 03 (ba) chỉ vàng 24k (vàng 9 tuổi 8).

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T giao cho anh N 03 (ba) chỉ vàng 24k (*vàng 9 tuổi 8, giao bằng hiện vật tại thời điểm thi hành án*).

Về án phí sơ thẩm:

Anh Đặng Minh N phải chịu án phí tổng cộng tiền 2.069.500 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0015468, ngày 11/5/2021 và số tiền 1.113.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0015467, ngày 11/5/2021. Anh N còn phải nộp tiếp số tiền 656.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự số tiền 1.795.500 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP Cao Lãnh;
- Viện kiểm sát ND TP Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Công Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hữu - Lê Quang Thanh

Lê Công Khanh